

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CPR
TỈNH GL**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CPR, TỈNH GL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khả T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công C;
2. Ông Nguyễn Ngọc B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy N- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện CPR, tỉnh GL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CPR, tỉnh GL tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích N– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CPR, tỉnh GL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số 36/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 2 năm 2022. Về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp 3, xã TH, thành phố Đ, tỉnh BP. (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lê Phú T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Làng H, xã Ia P, huyện CPR, tỉnh GL. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Phú T tự do tìm hiểu, tự nguyện về ở với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 1993, không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cuộc sống hôn nhân bước đầu hạnh phúc, cho đến năm 2010 chị và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân: Chị và anh T bất đồng quan điểm sống, bất đồng về công việc làm ăn trong gia đình, tính cách không hòa hợp, mỗi lần nói chuyện thường xuyên lời qua tiếng

lại với nhau, mỗi lần anh T đi uống rượu say về là kiểm chuyện gây gổ với chị, những chuyện từ quá khứ anh T lôi ra kiểm có xúc phạm chị, tháng 11/2019 không thể tiếp tục sống chung với anh T nữa nên chị đã bỏ đi sống ly thân với anh T cho đến nay không còn quan tâm hay hỏi han gì tới nhau nữa. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Lê Phú T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Phú T có 02 (hai) con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/9/1994 và Lê Việt Đ, sinh ngày 05/8/1998 hiện đã trưởng thành có khả năng tự lập được, nên không cần ai phải nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Phú T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị C đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện về ở với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 1993, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Thời gian đầu anh và chị C sống với nhau hạnh phúc bình thường, trong quá trình chung sống giữa anh và chị C có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh, chị đã tự giải quyết được với nhau, nhưng từ năm 2019 anh và chị C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về vấn đề kinh tế trong gia đình, anh, chị không bàn bạc được với nhau bất cứ việc gì cho đến tháng 11/2019 chị C bỏ đi sống ly thân với anh cho đến nay. Nay chị C xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị C có 02 (hai) con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/9/1994 và Lê Việt Đ, sinh ngày 05/8/1998 hiện đã trưởng thành có khả năng tự lập được, nên không cần ai phải nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh Lê Phú T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CPR tham gia phiên tòa – bà Nguyễn Thị C có ý kiến phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:
+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự, chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Thành phần Hội đồng xét xử: Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều có mặt đầy đủ theo đúng thành phần được triệu tập, không có sự thay đổi thành phần của Hội đồng xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Phú T. Về con chung, có 02 (hai) con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/9/1994 và Lê Việt Đ, sinh ngày 05/8/1998 hiện đã trưởng thành có khả năng tự lập được, nên không cần ai phải nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng, nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CPR, tỉnh GL giải quyết tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lê Phú T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CPR, tỉnh GL.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Phú T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào tháng 02 năm 1993, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì chị C và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên chị C và anh T thường xuyên lời quan tiếng lại với nhau, chị C và anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, chị C và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng”; Mặt khác, theo quy định tại điểm b mục 2 thông tư liên tịch

01/2001/TTLT- TANDTC- CKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị C và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Phú T là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị C và anh Lê Phú T có 02 (hai) con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/9/1994 và Lê Việt Đ, sinh ngày 05/8/1998 hiện đã trưởng thành có khả năng tự lập được, nên không cần ai phải nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và các khoản nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm b mục 2 thông tư liên tịch 01/2001/TTLT- TANDTC- CKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Phú T.

2. *Về nuôi con*: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Phú T có 02 (hai) con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/9/1994 và Lê Việt Đ, sinh ngày 05/8/1998 hiện đã trưởng thành có khả năng tự lập được, nên không cần ai phải nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung và các khoản nợ chung*: Các bên đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006394, ngày 21 tháng

02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CPR, tỉnh GL. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15/7/2022, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh GL để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Lê Phú T được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh GL, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh GL;
- VKSND huyện CPR;
- Chi cục THADS huyện CPR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Khả T

CÁC VỊ HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

TRẦN THỊ ĐỨC BÉ THỊ HỢI

LÊ KHẢ THẾ

